

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025  
**đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước (Công ty Bia – Nước Giải khát Hải Dương) theo quyết định số 3192/QĐ-UB ngày 12/08/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800283766 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 19/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/08/2025.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

Trụ sở chính của Công ty tại Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Huy Loãn	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Huy Loãn	Giám đốc
Ông Trần Văn Hà	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Khoan	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Bùi Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên
Bà Cao Hải Yến	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này**

Ông Trần Huy Loãn	Giám đốc
-------------------	----------

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**



**Ông Trần Huy Loan**  
Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 09 tháng 03 năm 2026



Số : 24.06.2.2/25/BCTC/NVA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương, được lập ngày 09/03/2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 14/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.



**Công ty TNHH Kiểm toán NVA**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Lê Hồng Đào**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Chí Thanh**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 3 năm 2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.586.038.389</b>	<b>75.744.139.662</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.378.607.061</b>	<b>874.168.132</b>
1. Tiền	111		1.378.607.061	874.168.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>43.000.000.000</b>	<b>52.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>V.2</b>	43.000.000.000	52.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.798.642.600</b>	<b>1.593.483.549</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	50.520.000	49.599.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	192.922.600	110.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5</b>	1.555.200.000	1.433.883.859
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>25.408.788.728</b>	<b>21.276.487.981</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.408.788.728	21.276.487.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.781.584.523</b>	<b>19.365.200.815</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.369.299.932</b>	<b>14.927.674.630</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.8</b>	15.196.806.081	13.755.180.779
- Nguyên giá	222		307.532.885.395	302.550.042.195
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(292.336.079.314)	(288.794.861.416)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.9</b>	1.172.493.851	1.172.493.851
- Nguyên giá	228		1.457.244.000	1.457.244.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(284.750.149)	(284.750.149)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.412.284.591</b>	<b>4.437.526.185</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.7</b>	10.412.284.591	4.437.526.185
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>98.367.622.912</b>	<b>95.109.340.477</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

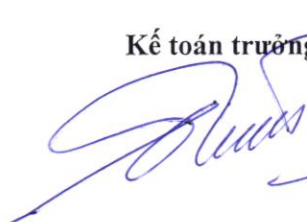
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.214.929.035</b>	<b>21.208.308.483</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.214.929.035</b>	<b>21.208.308.483</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.073.373.648	1.544.082.103
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.164.800	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.347.883.443	5.481.480.669
4. Phải trả người lao động	314		4.160.929.166	1.707.878.851
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10.932.220.176	9.230.387.976
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.647.357.802	3.244.478.884
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.152.693.877</b>	<b>73.901.031.994</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>74.152.693.877</b>	<b>73.901.031.994</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.834.533.044	25.834.533.044
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.318.160.833	8.066.498.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.374.498.950	1.758.910.525
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.943.661.883	6.307.588.425
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>98.367.622.912</b>	<b>95.109.340.477</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Hà Thị Thùy Dương

Đặng Thị Minh Duyệt

Trần Huy Loan

Hải Phòng, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2025**

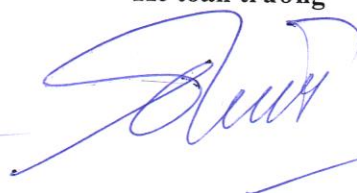
*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>165.542.608.497</b>	<b>174.394.759.147</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.696.563.274	2.456.223.018
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>162.846.045.223</b>	<b>171.938.536.129</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.3</b>	<b>122.438.153.641</b>	<b>132.418.573.499</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>40.407.891.582</b>	<b>39.519.962.630</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.163.028.745	3.061.280.766
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.644.122.667	22.950.067.906
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.321.161.851	11.713.541.922
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.605.635.809</b>	<b>7.917.633.568</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	133.941.545	26.851.963
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>133.941.545</b>	<b>26.851.963</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>8.739.577.354</b>	<b>7.944.485.531</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.795.915.471	1.636.897.106
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.943.661.883</b>	<b>6.307.588.425</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.218	1.104
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.218	1.104

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**


**Hà Thị Thùy Dương**

**Đặng Thị Minh Duyệt**

**Trần Huy Loan**

Hải Phòng, Ngày 09 tháng 03 năm 2026



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.739.577.354	7.944.485.531
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.434.817.898	5.262.219.354
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.163.028.745)	(3.061.280.766)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.011.366.507	10.145.424.119
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		373.824.512	(5.560.693)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.132.300.747)	(942.394.298)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.439.217.069	1.404.283.023
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.974.758.406)	1.203.126.535
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.636.897.106)	(1.561.448.569)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.489.121.082)	(1.461.804.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(408.669.253)	8.781.626.117
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.876.443.200)	(2.393.235.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	(94.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		79.000.000.000	87.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.584.045.182	3.149.064.329
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		5.707.601.982	(6.244.170.853)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.794.493.800)	(4.794.493.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.794.493.800)</b>	<b>(4.794.493.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>504.438.929</b>	<b>(2.257.038.536)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>874.168.132</b>	<b>3.131.206.668</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.378.607.061</b>	<b>874.168.132</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hà Thị Thùy Dương



Đặng Thị Minh Duyệt



Trần Huy Loãn

Hải Phòng, Ngày 09 tháng 03 năm 2026

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2025**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước (Công ty Bia – Nước Giải khát Hải Dương) theo quyết định số 3192/QĐ-UB ngày 12/08/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800283766 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 19/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng

#### **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 138 người (tại ngày 01/01/2025 là 149 người).

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 15	06 – 15
Máy móc thiết bị	05 – 12	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

##### ***Các quỹ khác***

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:





## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 14. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 15. Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<b>Cuối năm</b> VND	<b>Đầu năm</b> VND
Tiền mặt	757.360.061	166.041.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	621.247.000	708.127.066
<b>Cộng</b>	<b>1.378.607.061</b>	<b>874.168.132</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Số dư tại 31/12/2025 thể hiện khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng sau:

	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Giá trị ghi sổ</b> VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín PGD Đào Tấn	27.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội CN Hải Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hải Dương	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>43.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b> VND	<b>Đầu năm</b> VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Vinh Vũ	50.520.000	-
Công ty TNHH MTV TM Habeco	-	49.599.690
<b>Cộng</b>	<b>50.520.000</b>	<b>49.599.690</b>

Phải thu khách hàng là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b> VND	<b>Đầu năm</b> VND
Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát	30.000.000	90.000.000
Công ty CP Công nghệ GREENTECH Việt Nam	150.000.000	-
Công ty TNHH VIMEX	-	20.000.000
Các đối tượng khác	12.922.600	-
<b>Cộng</b>	<b>192.922.600</b>	<b>110.000.000</b>

Trả trước cho người bán là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b> VND	<b>Đầu năm</b> VND
Phải thu tạm ứng nhân viên	-	398.700.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.555.200.000	976.216.437
Phải thu khác	-	58.967.422
<b>Cộng</b>	<b>1.555.200.000</b>	<b>1.433.883.859</b>

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**6. Hàng tồn kho**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	16.366.806.700	-	13.474.038.879	-
Công cụ, dụng cụ	3.997.516.281	-	3.255.937.066	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.345.941.232	-	4.169.173.396	-
Thành phẩm	627.572.559	-	309.820.186	-
Hàng hóa	70.951.956	-	67.518.454	-
<b>Cộng</b>	<b>25.408.788.728</b>	<b>-</b>	<b>21.276.487.981</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Cuối năm</b> <b>VND</b>	<b>Đầu năm</b> <b>VND</b>
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	4.168.957.245	1.977.661.741
Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản	6.243.327.346	2.459.864.444
<b>Cộng</b>	<b>10.412.284.591</b>	<b>4.437.526.185</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**  
Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.880.787.131	254.072.823.546	9.871.760.581	724.670.937	302.550.042.195
Số tăng trong năm	-	5.876.443.200	-	-	5.876.443.200
- <i>Mua trong năm</i>	-	5.876.443.200	-	-	5.876.443.200
Số giảm trong năm	-	893.600.000	-	-	893.600.000
- <i>Thanh lý nhượng bán</i>	-	893.600.000	-	-	893.600.000
Số dư cuối năm	37.880.787.131	259.055.666.746	9.871.760.581	724.670.937	307.532.885.395
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	36.681.387.715	242.961.689.276	8.427.113.488	724.670.937	288.794.861.416
Số tăng trong năm	362.904.312	3.684.911.618	387.001.968	-	4.434.817.898
Số giảm trong năm	-	893.600.000	-	-	893.600.000
- <i>Thanh lý nhượng bán</i>	-	893.600.000	-	-	893.600.000
Số dư cuối năm	37.044.292.027	245.753.000.894	8.814.115.456	724.670.937	292.336.079.314
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.199.399.416	11.111.134.270	1.444.647.093	-	13.755.180.779
Tại ngày cuối năm	836.495.104	13.302.665.852	1.057.645.125	-	15.196.806.081

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 254.954.944.655 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng thế chấp đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	1.457.244.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>1.457.244.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	284.750.149
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>284.750.149</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	<u>1.172.493.851</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.172.493.851</u>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá trị	Cuối năm Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Đầu năm Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Phạm Bình Minh	-	-	175.336.656	175.336.656
Công ty TNHH Thương mại & vận tải Thái Tân	762.099.948	762.099.948	1.085.461.290	1.085.461.290
Tổng Công ty CP Bia - Rượu- NGK Hà Nội	310.720.562	310.720.562	227.634.157	227.634.157
Các đối tượng khác	553.138	553.138	55.650.000	55.650.000
<b>Cộng</b>	<u>1.073.373.648</u>	<u>1.073.373.648</u>	<u>1.544.082.103</u>	<u>1.544.082.103</u>

**b. Phải trả người bán là bên liên quan :** Xem thuyết minh VII.2**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm VND
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	455.850.184	16.845.490.062	16.936.849.945	364.490.301
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.276.448.463	97.160.196.912	96.397.467.865	4.039.177.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.636.897.106	1.795.915.471	1.636.897.106	1.795.915.471
Thuế thu nhập cá nhân	112.284.916	283.922.336	247.907.091	148.300.161
Thuế đất, tiền thuê đất	-	316.477.226	316.477.226	-
Thuế và các khoản khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u>5.481.480.669</u>	<u>116.406.002.007</u>	<u>115.539.599.233</u>	<u>6.347.883.443</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	105.182.100	99.675.900
Phải trả khác	10.827.038.076	9.130.712.076
<b>Cộng</b>	<b>10.932.220.176</b>	<b>9.230.387.976</b>

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**13. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>25.834.533.044</b>	<b>8.358.910.525</b>	<b>74.193.443.569</b>
Lãi trong năm trước	-	-	6.307.588.425	6.307.588.425
Phân phối lợi nhuận 2023				
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>25.834.533.044</b>	<b>8.066.498.950</b>	<b>73.901.031.994</b>
Lãi trong năm nay	-	-	6.943.661.883	6.943.661.883
Phân phối lợi nhuận 2024				
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.673.000.000)	(1.673.000.000)
- Trích thưởng Ban điều hành	-	-	(219.000.000)	(219.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>25.834.533.044</b>	<b>8.318.160.833</b>	<b>74.152.693.877</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Cuối năm</b>	<b>%</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>%</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	22.000.000.000	55	22.000.000.000	55
Vốn góp của các đối tượng khác	18.000.000.000	45	18.000.000.000	45
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán các thành phẩm	149.795.783.387	157.100.773.667
Doanh thu khác	15.746.825.110	17.293.985.480
<b>Cộng</b>	<b>165.542.608.497</b>	<b>174.394.759.147</b>

**Doanh thu với các bên liên quan:**

Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	333.477.453	1.231.617.777
------------------------------------	-------------	---------------

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	2.696.563.274	2.456.223.018
<b>Cộng</b>	<b>2.696.563.274</b>	<b>2.456.223.018</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	122.438.153.641	132.418.573.499
<b>Cộng</b>	<b>122.438.153.641</b>	<b>132.418.573.499</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.163.028.745	3.061.280.766
<b>Cộng</b>	<b>3.163.028.745</b>	<b>3.061.280.766</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	133.941.545	26.851.963
<b>Cộng</b>	<b>133.941.545</b>	<b>26.851.963</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.813.515.796	2.502.095.482
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	9.983.528.666	11.848.707.263
Chi phí khác	8.847.078.205	8.599.265.161
<b>Cộng</b>	<b>22.644.122.667</b>	<b>22.950.067.906</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	4.303.738.603	3.980.849.500
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	38.920.380	137.621.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	457.095.660	491.739.086
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.597.590.785	320.949.372
Chi phí khác	5.923.816.423	6.782.382.510
<b>Cộng</b>	<b>12.321.161.851</b>	<b>11.713.541.922</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.184.291.487	98.133.321.557
Chi phí nhân công	29.205.068.778	29.571.646.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.434.817.898	5.262.219.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.162.346.778	16.328.996.396
Chi phí khác bằng tiền	15.405.161.173	17.384.578.565
<b>Cộng</b>	<b>154.391.686.114</b>	<b>166.680.762.235</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.739.577.354	7.944.485.531
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	240.000.000	240.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	240.000.000	240.000.000
+ <i>Lương HĐQT không tham gia điều hành</i>	240.000.000	240.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	8.979.577.354	8.184.485.531
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.795.915.471</b>	<b>1.636.897.106</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	6.943.661.883	6.307.588.425
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	(2.071.200.000)	(1.892.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	2.071.200.000	1.892.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	4.872.461.883	4.415.588.425
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu (**)</b>		
- Lãi cơ bản	1.218	1.104
- Lãi suy giảm	1.218	1.104



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm nay là phần quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý tạm tính theo kế hoạch phân chia lợi nhuận 2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua ngày 25/04/2025.

(\*\*) Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: Xem thêm VII.9 trang 34

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty CP rượu và nước giải khát Hà Nội	Cùng Công ty mẹ

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**2.2 Giao dịch với bên liên quan**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh doanh thu đã thuyết minh tại mục VI.1. Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Mua NVL, hàng hóa	72.732.000	150.480.000
	Chia cổ tức	2.640.000.000	2.640.000.000
	Phí lixang	1.160.093.664	1.143.627.984
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Mua vật tư	425.820.000	573.588.000
Công ty CP Bao bì Habeco	Mua vật tư	377.450.000	278.000.000
Công ty CP rượu và nước giải khát Hà Nội	Mua vật tư, hàng hóa	32.120.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Phải trả người bán (TM V.10)</b>		
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	(310.720.562)	(227.634.157)

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>				
Nguyễn Quang Thanh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	96.000.000	96.000.000
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TV HĐQT	Thù lao	72.000.000	72.000.000
Trần Huy Loãn	TV HĐQT	Thù lao	84.000.000	84.000.000
	Giám đốc	Lương thưởng	591.151.039	519.795.780
Trần Văn Hà	TV HĐQT	Thù lao	72.000.000	72.000.000
	Phó Giám đốc	Lương thưởng	437.007.316	389.080.526
Vũ Văn Khoan	Phó Giám đốc	Lương thưởng	411.323.213	370.766.544
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Bùi Thị Thanh Bình	Trưởng BKS	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	269.098.870	262.172.763
Cao Hải Yến	TV BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Thị Minh Phương	TV BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
<b>Các Thành viên chủ chốt khác</b>				
Đặng Thị Minh Duyệt	Kế toán trưởng	Lương thưởng	420.069.733	386.234.151

**3. Thông tin về bộ phận****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**4. Tài sản đảm bảo**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.409.224.333</b>	-	<b>22.409.224.333</b>
Phải trả người bán	1.073.373.648	-	1.073.373.648
Các khoản phải trả khác	21.335.850.685	-	21.335.850.685
<b>Số đầu năm</b>	<b>17.864.153.699</b>	-	<b>17.864.153.699</b>
Phải trả người bán	1.544.082.103	-	1.544.082.103
Các khoản phải trả khác	16.320.071.596	-	16.320.071.596

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### ***Rủi ro ngoại tệ:***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

##### ***Rủi ro lãi suất:***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

##### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### **8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Số liệu so sánh**

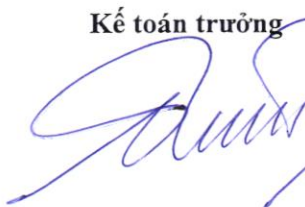
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán. Số liệu lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2025. Cụ thể như sau:

Nội dung	Năm trước	Năm trước	Chênh lệch
	Trình bày lại	Đã báo cáo	
Các khoản điều chỉnh giảm	1.892.000.000	1.352.100.000	539.900.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	4.415.588.425	4.955.488.425	(539.900.000)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.104	1.239	(135)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.104	1.239	(135)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hà Thị Thùy Dương

Đặng Thị Minh Duyệt

Trần Huy Loãn

Hải Phòng, Ngày 09 tháng 03 năm 2026.

